

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1179/2026/DS-PT

Ngày: 27/8/2026

V/v “T/c quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Trần Trí Dũng - Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Đặng Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 384/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST, ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2026/QĐ-PT, ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị H, sinh năm: 1946. Địa chỉ: 1, H, phường N, thành phố Cần Thơ.

1.2. Bà Dương Thị B, sinh năm: 1948. Địa chỉ: A, N, phường N, thành phố Cần Thơ.

1.3. Ông Dương Văn T, sinh năm: 1953. Địa chỉ: 1, N, phường N, thành phố Cần Thơ.

1.4. Bà Dương Thị L, sinh năm: 1955. Địa chỉ: B, Xóm D, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Ông Dương Văn G, sinh năm: 1959. Địa chỉ: 1, N, khu V, phường N,

thành phố Cần Thơ.

1.6. Bà Dương Thị T1, sinh năm: 1961. Địa chỉ: 1, N, phường N, thành phố Cần Thơ.

1.7. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: 1, N, phường N, thành phố Cần Thơ.

1.8. Bà Dương Thị Cẩm T2, sinh năm: 1973. Địa chỉ: A, N, phường N, thành phố Cần Thơ.

1.9. Ông Dương Anh T3, sinh năm: 1975. Địa chỉ: B, N, phường T, thành phố Cần Thơ.

1.10. Ông Dương Anh K, sinh năm: 1977. Địa chỉ: 1/68/15/19, N, phường N, thành phố Cần Thơ.

1.11. Bà Dương Kim P, sinh năm: 1981. Địa chỉ: 1, N, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1964. (Văn bản ủy quyền số công chứng 1649 quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/5/2022 của Văn phòng C1).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Xuân M – Đoàn Luật sư thành phố C.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Ngọc T4. Địa chỉ: 2, Nguyễn T5, (số E đường N cũ), phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Thị Cẩm T6, sinh năm 1955. Địa chỉ: 1, X, phường N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền số công chứng 3666, quyền số: 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/7/2024 của Văn phòng C2)

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh C – Đoàn Luật sư thành phố C.

Người kháng cáo: Đại diện hợp pháp của bị đơn bà Võ Thị Cẩm T6.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tóm tắt nội dung khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Đại diện của các đồng nguyên đơn là ông Dương Văn Đ đã trình bày: Lúc sinh thời ông Dương Văn S được ông bà để lại quyền sử dụng đất và ông S được đăng ký, quản lý phần đất có tổng diện tích 1974m² (gồm: đất T 220m², đất LNK 1454m², đất N+ 300m²), thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại đường N, Phường T, Quận N, TP ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 551397 (số vào sổ cấp GCN: 00055.QSĐĐ) do UBND tỉnh C cấp ngày 03/10/1996.

Đến khi ông Dương Văn S chết vào năm 2017, các ông bà Dương Thị H, Dương Thị B, Dương Văn T, Dương Thị L, Dương Văn G, Dương Thị T1, Dương

Văn Đ, Dương Thị Cẩm T2, Dương Anh T3, Dương Anh K, Dương Kim P là người thừa kế tài sản của ông S để lại.

Các nguyên đơn xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất chưa chia. Khi tiến hành làm hàng rào ranh giới để bảo vệ đất là di sản thừa kế, đã bị ông Võ Ngọc T4 ngăn cản, không cho thi công. Ông T4 có hành vi lấn chiếm một phần diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 551397 (số vào sổ cấp GCN: 00055.QSĐĐ) do UBND tỉnh C cấp ngày 03/10/1996 cho hộ ông Dương Văn S.

Do đó các đồng nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Ngọc T4 phải trả lại cho nguyên đơn phần đất đang lấn chiếm, có diện tích tranh chấp xác định cụ thể theo Bản Trích đo địa chính số 136/VPĐKĐĐ ngày 14/01/2025 của Sở T7 là 40,6m² (có 5.3m² mương thoát nước ghi nhận theo BĐĐC) do đất này thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 01, địa chỉ đất tại đường N, Phường T, Quận N, TP ., Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 551397 cấp hộ ông Dương Văn S.

Đại diện phía bị đơn là bà Võ Thị Cẩm T6 trình bày: Phần đất đang tranh chấp phía các nguyên đơn kiện đòi ông Võ Ngọc T4 hoàn trả là đất công cộng. Trước giải phóng là đất của quân khu, sau giải phóng tận dụng mương nước công cộng nên cha mẹ của bị đơn có thả rau muống làm kinh tế. Đến năm 2003, mương bị các hộ dân lấn chiếm san lấp nên không còn thông thoáng, bị đơn đã tự dùng vật liệu cát, đá sỏi để san lấp tận dụng đất trống để nuôi trồng và sinh hoạt chung. Hiện nay các nguyên đơn cho rằng phần đất mương công cộng này là của bên nguyên đơn và nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Việc nguyên đơn được Nhà nước cấp giấy đất bao trùm cả phần đất này là sai.

Đối với việc thẩm định vào ngày 04/6/2025 đại diện bị đơn thống nhất Bản trích đo địa chính số 136/VPĐKĐĐ ngày 14/01/2025 của Sở T7. Riêng phần A thể hiện trong bản trích đo phía bị đơn không thống nhất, cụ thể: vị trí (A) phần tranh chấp, diện tích 40,6m² (có 5.3m² mương thoát nước) không thuộc sở hữu của các nguyên đơn và phần mương thoát nước thể hiện trong phần A là mương thoát nước công cộng, không thuộc sở hữu của riêng ai. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc ông T4 giao trả đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST, ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực I – Cần Thơ tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là các ông bà Dương Thị H, Dương Thị B, Dương Văn T, Dương Thị L, Dương Thị G1, Dương Thị T1, Dương Văn Đ, Dương Thị Cẩm T2, Dương Anh T3, Dương Anh K, Dương Kim P.

Buộc bị đơn ông Võ Ngọc T4 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 40,6m² (có 5.3m² mương thoát nước ghi nhận theo BĐĐC) tại vị trí (A) theo Bản

Trích đo địa chính số 136/VPĐKĐĐ ngày 14/01/2025 của Sở T7 (có đính kèm theo bản án) để giao trả phần đất lấn chiếm cho các nguyên đơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ Dương Văn S số I 551397, vào sổ cấp Giấy CNQSD đất số 00055.QSĐĐ ngày 03/10/1996, chỉnh lý biến động ngày 29/8/2012, phần đất tại phường T, thành phố Cần Thơ (nay thuộc phường N, thành phố Cần Thơ).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Võ Ngọc T4 phải nộp án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1- Cần Thơ.

Ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị Cẩm T2, ông Dương Anh T3, ông Dương Anh K và bà Dương Thị P1 được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000692, ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1- Cần Thơ)

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/8/2025 đại diện ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị Cẩm T6 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cùng thống nhất với kết quả đo đạc lại theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất 527/VPĐKĐĐ.DV, ngày 07/8/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C làm căn cứ giải quyết phúc thẩm. Đồng thời thay mặt bị đơn Luật sư của bị đơn cho rằng, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thực tế, diện tích đất cắt giữa vị trí A và B là con mương nước công cộng, không thuộc quyền sử dụng đất của ông Dương Văn S. Bị đơn đã sử dụng ổn định, lâu dài. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn do không có căn cứ, Tại phiên Tòa bị đơn thống nhất được sử dụng ổn định phần đất tại vị trí B diện tích 15.3 m² và đồng ý để con mương là một phần vị trí A là mương chung diện tích 5,3 m²; Phần còn lại của vị trí A 20 m² thống nhất để nguyên đơn được quyền sử dụng.

Nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng thống nhất kết quả đo đạc lại theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất 527/VPĐKĐĐ.DV, ngày 07/8/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C làm căn cứ giải quyết phúc thẩm. Đại diện nguyên đơn Luật sư trình bày không thống nhất thỏa thuận với bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ nhận định của sơ thẩm công nhận toàn bộ phần đất tại các vị trí đất tranh chấp gồm A và B toàn bộ thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm về

việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tổ tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phân tích đánh giá tính pháp lý các chứng cứ các đương sự cung cấp và chứng cứ đo đạc lại tại giai đoạn phúc thẩm; Kiểm sát viên nhận định căn cứ Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất 527/VPĐKĐĐ.DV, ngày 07/8/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C mà đương sự thống nhất tại tòa làm căn cứ giải quyết cho thấy phần đất tranh chấp giữa A và B có một con mương nước chạy dọc qua nhiều hộ dân và đã thể hiện rõ trên bản đồ con mương đã cắt vị trí B với một phần vị trí A và theo biên bản thẩm định vị trí A là vị Trí nguyên đơn đang sử dụng, vị trí B vị trí bị đơn sử dụng làm chuồng gà và trồng chuối; Do đó tại phiên tòa bị đơn tự nguyện thống nhất ổn định vị trí B và sử dụng con mương sử dụng chung và đồng ý để nguyên đơn ổn định một phần tại vị trí A là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với thực tế nên có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, sửa giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm theo nhận định trên (có bài phát biểu kèm theo hồ sơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xem xét nội dung kháng cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 19/8/2025, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Ngọc T4 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại phần bản án sơ thẩm liên quan đến phạm vi đất tranh chấp và nghĩa vụ giao trả đất của bị đơn.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất sử dụng Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 527/VPĐKĐĐ.DV, ngày 07/8/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C (Gọi tắt là Sơ đồ 527) làm căn cứ giải quyết vụ án. Theo Sơ đồ 527, phần đất tranh chấp có tổng diện tích 40,6m², gồm vị trí A, vị trí B và 5,3m² mương thoát nước chạy qua khu vực tranh chấp. Các bên không tranh luận về kết quả đo đạc, vị trí và diện tích thể hiện trên sơ đồ. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2026 xác định vị trí A là phần đất nguyên đơn đang sử dụng; vị trí B là phần đất bị đơn đang quản lý, sử dụng làm chuồng gà và trồng chuối. Sơ đồ 527 đồng thời thể hiện tuyến mương thoát nước chạy qua khu vực tranh chấp và tiếp tục qua khu vực của nhiều hộ dân.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không còn yêu cầu được sử dụng toàn bộ phần đất tranh chấp như nội dung kháng cáo ban đầu mà tự nguyện xác định: tiếp tục

sử dụng ổn định 15,3m² tại vị trí B; xác định 5,3m² nương thoát nước là phần sử dụng chung; đồng ý để nguyên đơn sử dụng 20m² còn lại tại vị trí A.

Xét thấy, sự tự nguyện xác định phạm vi sử dụng của bị đơn phù hợp với hiện trạng đã được xem xét, thẩm định tại chỗ, phù hợp với Sơ đồ 527 và đặc điểm thực tế của tuyến nương thoát nước chạy qua khu vực của nhiều hộ dân. Việc phân định diện tích 20m² tại A, 15,3m² tại B và 5,3m² nương thoát nước là có cơ sở thực tế, bảo đảm xác định rõ phạm vi quản lý, sử dụng của các bên và phần nương được sử dụng chung.

Trong khi đó, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh phần 15,3m² tại vị trí B và 5,3m² nương thoát nước thuộc phạm vi phải giao trả cho nguyên đơn; ngoài việc cho rằng toàn bộ diện tích tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với phần đất tại vị trí B và phần nương thoát nước.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Bản án sơ thẩm buộc bị đơn giao trả toàn bộ diện tích 40,6m² là chưa phù hợp với kết quả đo đạc, hiện trạng sử dụng đất và các chứng cứ đã được làm rõ tại cấp phúc thẩm. Kháng cáo của bị đơn có căn cứ chấp nhận một phần; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng: xác định phần đất 20m² tại vị trí A để nguyên đơn tiếp tục sử dụng; phần đất 15,3m² tại vị trí B để bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng; phần nương thoát nước diện tích 5,3m² là phần sử dụng chung theo hiện trạng, không buộc bị đơn giao trả cho nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng:

[5.1] Chi phí tố tụng sơ thẩm: Bản án sơ thẩm không tuyên về chi phí tố tụng sơ thẩm; các đương sự không có yêu cầu, kháng cáo đối với nội dung này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.2] Chi phí tố tụng phúc thẩm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.850.000 đồng. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc được sử dụng để xác định phạm vi quản lý, sử dụng đất của cả nguyên đơn và bị đơn. Do đó, nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 1/2 chi phí, tương ứng 1.425.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã nộp toàn bộ chi phí nên các nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho bị đơn số tiền 1.425.000 đồng.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được

chấp nhận một phần và không được chấp nhận một phần; bị đơn được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tại vị trí B theo hiện trạng, nên các nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần và bản án sơ thẩm được sửa nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 07/8/2025 theo hướng xác định lại phạm vi quản lý, sử dụng đối với phần đất tranh chấp theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng số 527/VPĐKĐĐ.DV ngày 07/8/2026; không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn đối với phần đất 15,3m² tại vị trí B và 5,3m² nương thoát nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Ngọc T4.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST, ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Dương Thị H, Dương Thị B, Dương Văn T, Dương Thị L, Dương Thị G1, Dương Thị T1, Dương Văn Đ, Dương Thị Cẩm T2, Dương Anh T3, Dương Anh K và Dương Kim P đối với bị đơn ông Võ Ngọc T4. Xác định phần đất diện tích 20m² tại vị trí A theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng số 527/VPĐKĐĐ.DV ngày 07/8/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C là phần đất các nguyên đơn tiếp tục quản lý, sử dụng theo hiện trạng.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng số 527/VPĐKĐĐ.DV ngày 07/8/2026).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc ông Võ Ngọc T4 giao trả phần đất diện tích 15,3m² tại vị trí B theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng số 527/VPĐKĐĐ.DV, ngày 07/8/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C. Ông Võ Ngọc T4 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 15,3m² tại vị trí B theo hiện trạng.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng số 527/VPĐKĐĐ.DV ngày 07/8/2026).

3. Phần mương thoát nước diện tích 5,3m² là phần mương sử dụng chung theo theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng số 527/VPĐKĐĐ.DV ngày 07/8/2026, ngày 07/8/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C

4. Về chi phí tố tụng phúc thẩm:

4.1. Ông Võ Ngọc T4 phải chịu 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đã nộp xong.

4.2. Các nguyên đơn Dương Thị H, Dương Thị B, Dương Văn T, Dương Thị L, Dương Thị G1, Dương Thị T1, Dương Văn Đ, Dương Thị Cẩm T2, Dương Anh T3, Dương Anh K và Dương Kim P có nghĩa vụ chịu 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; do ông Võ Ngọc T4 đã nộp toàn bộ chi phí nên các nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Ngọc T4 số tiền 1.425.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc các nguyên đơn Dương Văn Đ, Dương Thị Cẩm T2, Dương Anh T3, Dương Anh K và Dương Kim P phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000692, ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1- Cần Thơ).

5.2. Buộc bị đơn ông Võ Ngọc T4 phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1– Cần Thơ thành án phí.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 27 tháng 8 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND KV 1 Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Hoàng Khải